TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **03**/2024/QĐST-HNGĐ	*C, ngày 07 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2000 và các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp F, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh **Trần Đức T**, sinh năm 1971

Địa chỉ: tổ H, khu phố T, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị N, anh T đều thừa nhận: anh chị tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1999. Năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Đây là lần kết hôn thứ nhất của cả hai.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh chị yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Trần Thị Quế A, sinh năm 2000 và Trần Thị Quỳnh A1, sinh ngày 20/4/2006. Khi ly hôn anh chị thoả thuận yêu cầu Tòa án công nhận giao cháu Quỳnh A1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng và chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: không có.

[5] Về lệ phí: chị N, anh T phải chịu toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Đức T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: giao cháu Trần Thị Quỳnh A1, sinh ngày 20/4/2006 cho anh Trần Đức T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Tạm thời chị N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, chị N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết anh T, chị N được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: các đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Trần Đức T phải chịu 300.000 *(Ba trăm ngàn)* đồng lệ phí việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị N, anh T đã nộp theo biên lai số 0011834 ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; chị N và anh T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THA DS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Tây (120/2004)
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Trung